

Thứ năm, ngày 23 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà tăng thu hẹp về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/4/2020		•	
Tuần 20/4-24/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: TTCK Mỹ tăng mạnh trở lại sau ba phiên giảm điểm đã hỗ trợ đà tăng tốt của thị trường ngày từ đầu phiên sáng. Các cổ phiếu trụ cột như VHM, SAB, GAS, VIC, HPG tiếp tục giữ duy trì sắc xanh cho chỉ số. Tuy nhiên, tương tự như trong phiên trước, lực cầu yếu đi theo thời gian đã khiến cho đà tăng bị thu hẹp lại và VN-Index chỉ tăng nhẹ 5 điểm. Độ rộng thị trường nhìn chung cân bằng giữa bên mua và bán khi số mã tăng giá xấp xỉ số mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục giảm nhẹ, cho thấy sau phiên điều chỉnh mạnh hôm thứ Ba, nhà đầu tư đã giao dịch có phần thận trọng hơn. Tuy vậy, thông tin về động thái nới lỏng giãn cách xã hội tại Việt Nam nhằm khôi phục từng phần các hoạt động kinh tế cũng phần nào giúp nâng đỡ tâm lý thị trường trước rủi ro điều chỉnh trong ngắn hạn như đà bán rông của khối ngoại hay biến động mạnh của các thị trường lớn trên thế giới. Bên cạnh đó, KQKD quý I của các doanh nghiệp niêm yết cũng đang dần được công bố. Như vậy, nhà đầu tư có thể theo dõi thông tin này để có cái nhìn toàn diện hơn về ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 660 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_1.8%

Phân tích kỹ thuật: AAA_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.99 điểm**, đóng cửa 773.91. HNX-Index **+0.17 điểm**, đóng cửa 106.97.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.83%); SAB (+3.20%); GAS (+2.52%); HPG (+3.85%); VIC (+0.54%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.44%); VPB (-1.49%); VCB (-0.14%); HDB (-0.96%); CTG (-0.26%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,922 tỷ đồng**, **-14%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 24.97 điểm. Thị trường có **195 mã tăng**, 70 mã tham chiếu và **143 mã giảm**.
- Giá trị bán rông của khối ngoại: **314.33 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (91.19 tỷ), VRE (50.80 tỷ) và HDB (30.01 tỷ). Khối ngoại bán rông trên sàn HNX với giá trị **11.48 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

773.91

Giá trị: 2921.96 tỷ

4.99 (0.65%)

Khối ngoại (ròng): -314.33 tỷ

HNX-INDEX

106.97

Giá trị: 366.11 tỷ

0.17 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -11.48 tỷ

UPCOM-INDEX

51.74

Giá trị: 212.98 tỷ

0.26 (0.51%)

Khối ngoại (ròng): -11.44 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	15.2	10.30%
Giá vàng	1,725	0.63%
Tỷ giá USD/VND	23,496	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,381	-0.24%
Tỷ giá JPY/VND	21,828	0.13%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	5.31%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-5.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	25.2	VNM	91.1
VHM	20.1	VRE	50.7
HCM	7.4	HDB	29.9
MSN	2.9	VCB	28.7
HQC	2.4	VPB	26.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	1.8%	2.8%	30.5%	30.5%	-5.3%	-5.3%	22.1%
Hàng tiêu dùng	1.6%	1.7%	33.5%	33.5%	-13.9%	-13.9%	15.6%
Cổ phiếu ngành Dược	1.3%	1.2%	16.5%	16.5%	-6.8%	-6.8%	17.4%
Dầu khí	1.1%	-1.1%	31.4%	31.4%	-28.9%	-28.9%	15.6%
Chiến tranh thương mại	1.0%	-2.4%	24.3%	24.3%	-21.2%	-21.2%	17.4%
Nước & Năng lượng	0.9%	-0.3%	18.1%	18.1%	-16.2%	-16.2%	22.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.9%	-1.1%	14.9%	14.9%	-20.3%	-20.3%	22.6%
Corona Avengers	0.8%	-0.9%	34.5%	34.5%	-11.4%	-11.4%	15.6%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	0.4%	28.0%	28.0%	-13.3%	-13.3%	22.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	-2.3%	16.5%	16.5%	-18.2%	-18.2%	22.1%
FTSE Việt Nam	0.6%	-2.6%	13.7%	13.7%	-18.7%	-18.7%	15.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	-1.6%	20.7%	20.7%	-16.8%	-16.8%	17.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.8%	19.8%	19.8%	-6.8%	-6.8%	15.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-2.0%	24.8%	24.8%	-20.3%	-20.3%	22.1%
Xây dựng	0.4%	-2.1%	20.0%	20.0%	-17.7%	-17.7%	22.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	-2.1%	20.2%	20.2%	-20.0%	-20.0%	17.4%
VN Diamond	0.2%	-2.7%	20.6%	20.6%	-20.6%	-20.6%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	-1.8%	18.4%	18.4%	-21.9%	-21.9%	22.1%
Lãi suất giảm	-0.1%	-1.7%	26.6%	26.6%	-16.5%	-16.5%	19.1%
Ngân Hàng	-0.2%	-3.9%	14.5%	14.5%	-17.7%	-17.7%	22.1%
VN FinSelect	-0.3%	-4.2%	15.5%	15.5%	-19.3%	-19.3%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	-4.4%	16.0%	16.0%	-19.7%	-19.7%	17.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	-4.6%	24.6%	24.6%	-15.5%	-15.5%	22.6%

Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	1.1%	-0.9%	29.6%	29.6%	-21.4%	-21.4%	20.9%
M22	0.8%	-0.5%	20.3%	20.3%	-15.5%	-15.5%	18.8%
S21	0.6%	-2.1%	21.8%	21.8%	-17.6%	-17.6%	19.8%
S11	0.4%	-1.2%	14.0%	14.0%	-12.8%	-12.8%	18.7%
M12	0.3%	-1.8%	16.6%	16.6%	-16.8%	-16.8%	19.9%
L11	0.2%	0.1%	17.8%	17.8%	-18.4%	-18.4%	17.2%
M31	0.2%	-2.7%	17.9%	17.9%	-19.5%	-19.5%	20.8%
S32	0.2%	-1.6%	30.2%	30.2%	-23.6%	-23.6%	22.1%
L22	-0.3%	-2.8%	24.3%	24.3%	-18.5%	-18.5%	19.5%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.7%	-1.1%	22.8%	22.8%	-11.6%	-11.6%	17.4%
HIGH3	0.7%	-1.8%	24.3%	24.3%	-11.4%	-11.4%	18.8%
LOW1	-0.2%	-1.0%	13.7%	13.7%	-16.1%	-16.1%	17.0%

INDEX							
VNINDEX	0.6%	-2.0%	16.8%	16.8%	-19.5%	-19.5%	16.8%
VN30INDEX	0.4%	-2.4%	17.5%	17.5%	-18.4%	-18.4%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	10	13	13	10	16	7
Mục tiêu	9	2	7	6	3	7	2
Rủi ro	3	2	1	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

AAA_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: AAA đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi xác lập vùng hỗ trợ tại 10-11. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại quanh ngưỡng giá 12, chốt lời tại ngưỡng giá 15, và cắt lỗ tại nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 10.5.



Nguồn: BSC, PTKItrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Quan điểm đầu tư và định giá

Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI đối với cổ phiếu AAA với giá mục tiêu 15,000 đồng/CP (Upside +19%) dựa trên phương pháp định giá so sánh P/E với P/E mục tiêu cho mảng bao bì nhựa là 10 lần và cho hoạt động chuyển nhượng đất KCN là 1 lần.

Dự báo kết quả kinh doanh

BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,838 tỷ (+6.5% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,516 tấn (+5.6% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 509 tỷ (+8.7% YoY), tương đương EPS = 2,676 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.8 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BĐS thì P/E với mảng nhựa là 8.5 lần).

Rủi ro đầu tư

- (1) Rủi ro biến động giá hạt nhựa tác động nhiều hơn đến mảng thương mại so với mảng sản xuất.
- (2) Rủi ro pha loãng cổ phiếu từ 4,000 chứng quyền là 40 triệu (~23.4% lượng CP đang lưu hành).
- (3) Rủi ro từ việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa một lần: có nhưng chúng tôi đánh giá hiện không đáng kể.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 23/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 23/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	14.34	4.06%	-43.80%	-43.70%	-76.89%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	21.13	3.73%	-24.00%	-27.90%	-68.06%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	67.29	5.40%	-4.60%	36.00%	-65.50%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1711.00	-0.18%	-0.40%	4.80%	33.21%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.19	0.63%	-2.00%	6.40%	1.88%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	849.00	0.77%	0.40%	-4.10%	-8.32%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	541.50	-0.41%	2.10%	-2.60%	9.56%		AFX
Sữa	USD /cwt	11.01	-0.36%	-9.10%	-28.40%	-33.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.70	2.03%	-0.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.01	0.00%	-2.60%	-7.60%	-29.06%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.05	0.49%	-7.50%	-6.40%	4.09%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5131.50	2.02%	0.40%	6.40%	-20.42%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3370.00	0.93%	-0.40%	2.60%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1515.00	1.64%	0.50%	-7.10%	-19.07%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	614.50	1.82%	1.60%	8.40%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.55	-0.96%	-9.60%	-22.90%	-40.37%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 6 tăng 1.04 USD (5.4%) lên 20.37 USD/thùng, trong khi Hợp đồng dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) cùng kỳ hạn tăng 2.21 USD (19.1%) lên 13.78 USD/thùng.
- Tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần vừa qua đã tăng 15 triệu thùng, ít hơn mức dự báo là tăng 20 triệu thùng; tồn trữ xăng của nước này chỉ tăng 1 triệu thùng, thấp hơn nhiều so với dự kiến.
- Lượng dầu thừa trữ tại Cushing, Oklahoma - trung tâm phân phối dầu WTI – đã gần đầy (khoảng 60 triệu thùng), và phần lớn dung lượng chưa dùng đã được cho thuê kín.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.6% lên 1,711.84 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 3% lên 1,738.3 USD/ounce. Giá vàng tăng mạnh trong phiên vừa qua do dự báo sẽ có thêm các biện pháp kích thích tài chính và tiền tệ giữa bối cảnh kinh tế thế giới tổn thất nghiêm trọng do chính sách ở nhà để ngăn chặn Covid-19 và các doanh nghiệp buộc phải dừng hoạt động theo chủ trương giãn cách xã hội.
- Chính phủ Mỹ đã đồng ý bổ sung 500 tỷ USD để hỗ trợ kinh tế, gói này đã được Thượng viện Mỹ thông qua.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.2% lên 613 CNY (86.56 USD)/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 1.5% lên 3,375 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng tăng 0.9% lên 3,211 CNY/tấn.
- Hiệp hội Sắt Thép Trung Quốc dự báo nhu cầu thép của nước này sẽ hồi phục dần, nhưng cảnh báo xuất khẩu các sản phẩm thép trong quý này sẽ vẫn khó khăn do dịch Covid-19 lan rộng khắp thế giới, kể cả ở những thị trường chủ chốt như Châu Âu.
- Các hãng sản xuất thép Nhật bản có thể sẽ cần đẩy nhanh các kế hoạch tái thiết, hoặc đóng cửa thêm các nhà máy vì nhiều dự án xây dựng bị trì hoãn do Covid-19.

Giá cao su

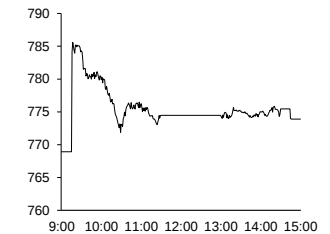
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 2.9 JPY xuống 147.7 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 190 CNY xuống 9,715 CNY/tấn. Giá cao su trên thị trường Tokyo và Thượng Hải đều tiếp tục giảm theo xu hướng giá dầu của phiên trước đó.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn trên sàn ICE tăng 0.08 US cent (0.8%) lên 9.83 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tăng 2.6 USD (0.8%) lên 324.6 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 tăng 0.55 US cent (0.5%) lên 1.1205 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn giảm 18 USD hay 1.6% xuống 1,121 USD/tấn.
- Giá đường và cà phê trên sàn New York đều tăng trong phiên vừa qua, phản ánh giá dầu và chứng khoán tăng trở lại, và các chính phủ trên toàn cầu cam kết sẽ hỗ trợ nhiều hơn nữa để kinh tế thoát khỏi cuộc khủng hoảng Covid-19.

Hình 1

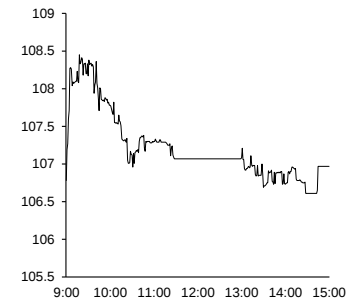
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

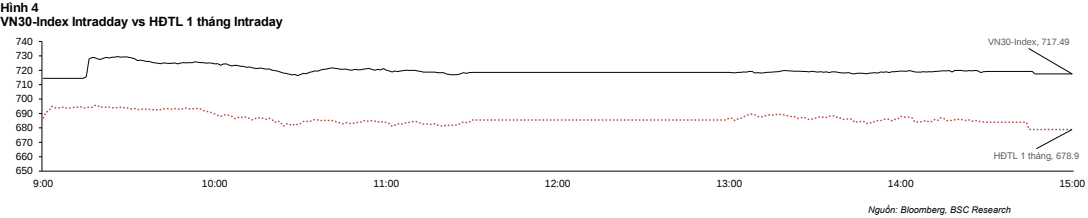
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	3.59%
Ô tô và phụ tùng	2.23%
Bán lẻ	1.89%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.61%
Du lịch và Giải trí	1.44%
Y tế	1.01%
Bất động sản	0.95%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.63%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.42%
Dầu khí	0.39%
Thực phẩm và đồ uống	0.36%
Xây dựng và Vật liệu	0.35%
Dịch vụ tài chính	0.24%
Bảo hiểm	0.19%
Hóa chất	0.13%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	0.00%
Ngân hàng	-0.14%
Truyền thông	-0.29%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	678.90	-1.16%	-38.59	0.7%	260,194	5/21/2020	28
VN30F2006	673.00	-0.83%	-44.49	-7.0%	722	6/18/2020	56
VN30F2009	671.10	-1.02%	-46.39	-39.3%	111	9/17/2020	147
VN30F2012	679.00	-0.03%	-38.49	-44.6%	72	12/17/2020	238

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 3.07 điểm lên mức 717.49 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VHM, MWG, SAB, và VJC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng VN30 tăng mạnh đầu phiên lên quanh 730 điểm, trước khi điều chỉnh giảm. Sang phiên chiều, VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tích lũy dưới 720 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tích lũy quanh 725 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2005, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2005 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 660 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2001	HSC	6/30/2020	68	2:1	271,480	110.3%	5.0 triệu	32.51%	1,800	600	30.43%	231.70	2.59
CFPT2004	SSI	9/10/2020	109	1:1	40,020	n/a	2.0 triệu	31.93%	5,100	6,580	20.07%	4,404.30	1.49
CHPG2004	SSI	6/15/2020	53	1:1	79,720	-52.1%	5.0 triệu	32.51%	2,800	910	15.19%	450.00	2.02
CFPT2003	SSI	11/9/2020	200	1:1	26,900	n/a	2.0 triệu	31.93%	7,300	8,980	14.25%	5,920.10	1.52
CVRE2001	KIS	9/21/2020	151	4:1	198,040	-72.2%	8.0 triệu	38.42%	1,500	220	10.00%	39.00	5.64
CVIC2001	KIS	12/16/2020	237	5:1	22,020	14.9%	2.0 triệu	30.59%	2,700	2,220	7.77%	344.10	6.45
CMSN2001	KIS	12/16/2020	237	5:1	35,160	-52.3%	2.0 triệu	31.92%	2,300	1,960	2.62%	767.30	2.55
CHDB2003	KIS	12/16/2020	237	2:1	68,790	162.5%	2.4 triệu	34.67%	2,700	840	2.44%	107.80	7.79
CFPT1908	MBS	6/17/2020	55	3:1	82,630	-8.1%	2.4 triệu	31.93%	3,150	790	0.00%	494.90	1.60
CHDB2001	KIS	6/19/2020	57	2:1	401,650	-6.5%	5.0 triệu	34.67%	2,000	110	0.00%	7.40	14.86
CMBB2001	HSC	6/22/2020	60	2:1	300,940	161.7%	5.0 triệu	32.63%	1,600	100	0.00%	12.50	8.00
CNVL2001	KIS	12/16/2020	237	4:1	101,180	490.7%	2.0 triệu	17.39%	2,300	1,320	-0.75%	76.40	17.28
CSTB2002	KIS	12/16/2020	237	1:1	45,220	133.5%	3.0 triệu	37.27%	1,700	1,280	-2.29%	388.90	3.29
CSTB2001	KIS	6/19/2020	57	1:1	106,250	61.4%	5.0 triệu	37.27%	1,500	420	-2.33%	82.60	5.08
CMBB2003	SSI	11/9/2020	200	1:1	17,850	n/a	3.0 triệu	32.63%	2,000	1,920	-4.95%	1,018.20	1.89
CVNM2002	KIS	12/16/2020	237	5:1	143,900	139.2%	3.0 triệu	27.83%	3,200	1,120	-5.88%	126.00	8.89
CHPG2003	MBS	5/4/2020	11	3:1	447,850	234.1%	6.0 triệu	32.51%	1,570	130	-7.14%	-	-
CTCB2001	HSC	6/22/2020	60	2:1	569,590	123.4%	5.0 triệu	33.09%	1,700	60	-14.29%	6.10	9.84
CMWG2001	HSC	6/22/2020	60	10:1	234,120	299.0%	5.0 triệu	38.45%	1,700	60	-14.29%	12.80	4.69
CVPB2001	HSC	6/22/2020	60	2:1	58,650	-62.0%	5.0 triệu	39.75%	1,500	930	-14.68%	652.10	1.43
CVPB2004	SSI	5/14/2020	21	1:1	458,880	164.6%	3.0 triệu	39.75%	4,100	130	-31.58%	20.90	6.22
Tổng:					3,710,840		80.40 triệu	33.32%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 23/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

• Về giá, CFPT2004 và CFPT2003 tăng mạnh lần lượt là 20.07% và 14.25%. Trái lại, CVPB2001 và CMBB2002 giảm mạnh lần lượt là -14.68% và -12.88%. Giá trị giao dịch tăng 18.98%. CFPT2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.76% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, MWG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CFPT2004 và CFPT2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CFPT2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	21.60	3.85	1.80
VHM	66.60	1.83	0.61
MWG	83.50	1.83	0.60
SAB	180.60	3.20	0.54
VJC	116.40	1.13	0.46

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	96.1	-1.44	-1.05
VPB	19.9	-1.49	-0.70
HDB	20.6	-0.96	-0.18
EIB	15.3	-0.65	-0.14
FPT	51.0	-0.20	-0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2001	27,600	24,000	21,600
CFPT2004	55,100	50,000	51,000
CHPG2004	26,300	23,500	21,600
CFPT2003	57,300	50,000	51,000
CVRE2001	42,789	36,789	24,100
CVC2001	139,968	126,468	93,000
CMSN2001	77,289	65,789	58,200
CHDB2003	37,523	32,123	20,600
CFPT1908	63,450	54,000	51,000
CHDB2001	33,099	29,099	20,600
CMBB2001	24,200	21,000	16,150
CNVL2001	75,088	65,888	52,600
CSTB2002	13,588	11,888	9,150
CSTB2001	12,499	10,999	9,150
CMBB2003	20,000	18,000	16,150
CVNM2002	157,111	141,111	96,100
CHPG2003	26,810	22,100	21,600
CTCB2001	26,400	23,000	16,950
CMWG2001	132,000	115,000	83,500
CVPB2001	23,000	20,000	19,900
CVPB2004	28,100	24,000	19,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.5	1.8%	1.2	1,644	4.9	8,655	9.6	3.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	59.4	1.0%	1.3	582	1.7	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.3	0.6%	1.4	1,527	1.3	1,632	29.0	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	1.0%	0.6	309	0.1	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	93.0	0.5%	0.9	13,677	1.4	2,310	40.3	4.0	14.2%	11.7%
VRE	Bất động sản	24.1	2.3%	1.1	2,381	3.2	1,226	19.7	2.0	31.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.6	0.2%	0.8	2,217	2.6	3,552	14.8	2.3	6.0%	16.6%
REE	Bất động sản	29.5	0.2%	0.9	398	1.1	5,287	5.6	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.6	-1.8%	1.5	216	1.4	2,289	4.2	0.7	40.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.3	0.0%	1.3	347	1.5	1,787	7.4	0.7	51.4%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.8	2.7%	1.0	134	0.5	4,240	4.4	0.8	34.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.9	0.9%	1.8	224	1.4	1,480	11.4	1.2	54.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	51.0	-0.2%	0.8	1,512	3.0	4,631	11.0	2.5	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.1	0.2%	0.4	499	0.0	4,812	9.6	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	65.1	2.5%	1.5	5,417	1.8	5,820	11.2	2.5	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	40.7	0.0%	1.5	2,107	2.2	3,495	11.6	2.1	13.1%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.8	2.6%	1.6	245	2.8	1,777	6.6	0.4	15.0%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.0	3.4%	0.8	809	0.9	898	6.7	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.9	2.1%	0.6	528	0.2	5,046	18.4	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.3	-2.5%	0.6	260	1.4	1,006	15.2	0.7	16.6%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.0	0.3%	0.6	184	0.8	592	13.5	0.7	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	69.2	-0.1%	1.2	11,159	3.6	4,848	14.3	3.0	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	36.2	0.0%	1.6	6,330	1.3	2,366	15.3	2.0	17.8%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.2	-0.3%	1.2	3,108	2.5	2,541	7.6	0.9	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	19.9	-1.5%	1.2	2,109	3.3	3,750	5.3	1.1	23.1%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.2	0.3%	1.1	1,693	2.5	3,476	4.6	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	1.0	1,468	1.8	3,780	5.4	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	45.1	1.3%	0.9	160	0.3	5,165	8.7	1.5	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	32.7	3.8%	0.4	140	0.0	4,208	7.8	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.4	-1.3%	0.6	662	0.0	356	43.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	21.6	3.8%	1.1	2,593	7.9	2,588	8.3	1.3	36.7%	17.1%
HSG	Thép	6.8	6.9%	1.7	131	0.5	1,161	5.8	0.5	17.6%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	96.1	-1.4%	0.7	7,276	6.1	5,478	17.5	6.1	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	180.6	3.2%	0.8	5,035	0.9	7,477	24.2	6.2	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	58.2	0.0%	1.0	2,958	2.1	4,772	12.2	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.1	-0.7%	0.8	358	2.1	508	27.7	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	60.7	1.5%	0.8	5,745	0.9	3,450	17.6	3.6	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	116.4	1.1%	1.1	2,651	2.1	7,889	14.8	4.0	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	27.8	2.2%	1.7	1,714	1.8	1,654	16.8	2.2	9.5%	12.9%
GMD	Vận tải	17.6	0.6%	1.0	227	0.4	1,602	11.0	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.1	-1.5%	1.0	124	1.1	2,398	4.2	0.6	26.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.0	0.0%	1.0	417	0.7	9,201	6.5	2.8	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.6	3.1%	0.8	324	0.2	1,453	11.4	1.2	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	0.0%	1.0	222	0.1	1,938	6.9	1.0	6.5%	14.1%
CTD	Xây dựng	56.7	0.0%	1.2	188	0.5	8,032	7.1	0.5	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.4%	0.5	482	0.1	1,548	16.2	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.3	-1.8%	0.4	207	0.5	760	25.3	0.9	45.8%	3.7%
POW	Điện	9.5	0.2%	0.6	967	2.1	1,028	9.2	0.8	11.6%	9.4%
NT2	Điện	19.8	-0.8%	0.6	247	0.2	2,543	7.8	1.3	17.7%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	66.60	1.83	1.15	1.09MLN
SAB	180.60	3.20	1.03	119240.00
GAS	65.10	2.52	0.87	620260.00
HPG	21.60	3.85	0.63	8.35MLN
VIC	93.00	0.54	0.48	347420.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.40	1.23	0.27	1.78MLN
NVB	8.20	2.50	0.08	3.33MLN
PVS	11.80	2.61	0.07	5.47MLN
VIF	17.00	6.92	0.04	200.00
NTP	32.70	3.81	0.04	26900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.70	1.44MLN	1.11MLN
VPB	0.00	-0.21	3.74MLN	607060.00
VCB	0.00	-0.11	1.20MLN	373600.00
HDB	0.00	-0.06	2.25MLN	192700.00
CTG	0.00	-0.05	2.95MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.30	-0.49	-0.16	2.08MLN
DL1	27.20	-9.93	-0.14	200.00
SHS	8.10	-3.57	-0.04	1.36MLN
PTI	17.20	-8.99	-0.04	500.00
TAR	31.60	-6.23	-0.03	395600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PAC	21.40	7.00	0.02	337720.00
TCR	3.52	6.99	0.00	10.00
QCG	6.74	6.98	0.04	1.36MLN
SAV	8.45	6.96	0.00	660.00
CAV	63.10	6.95	0.07	16830.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.60	20.0	0.00	573600.00
BII	0.70	16.7	0.00	555400.00
VIG	0.80	14.3	0.00	1.04MLN
BED	35.20	10.0	0.00	200.00
MCF	9.90	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTA	4.92	-6.99	0.00	14750.00
TVB	10.65	-6.99	-0.01	1.17MLN
HRC	28.85	-6.94	-0.02	900.00
DRH	4.98	-6.92	-0.01	1.19MLN
CMV	14.90	-6.88	0.00	1230.00

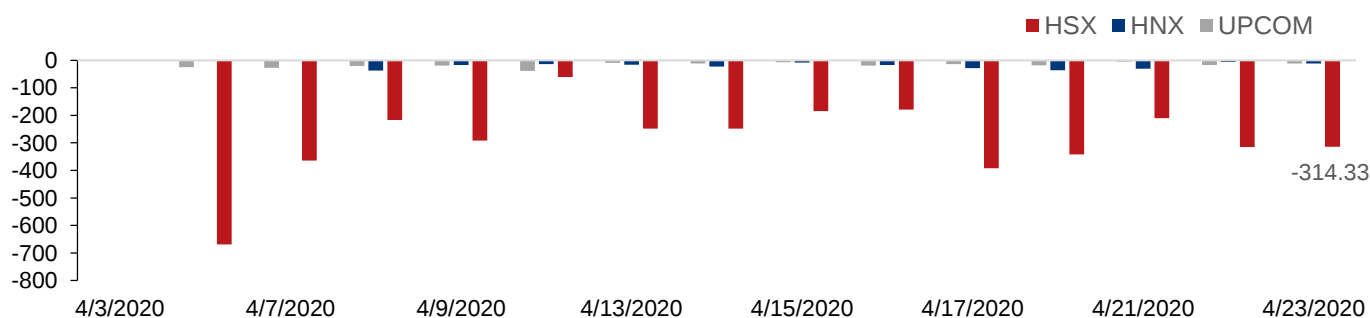
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KVC	0.70	-12.50	-0.01	224200.00
PVX	0.80	-11.11	-0.02	1.72MLN
VC7	5.40	-10.00	-0.01	3200.00
SAF	53.40	-9.95	-0.01	500.00
DL1	27.20	-9.93	-0.14	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



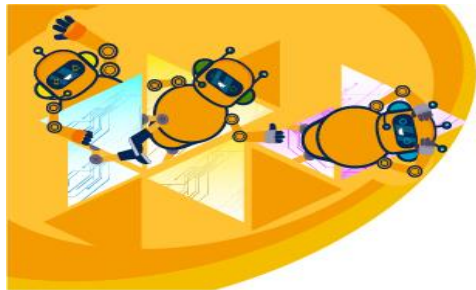
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	17.6	1,602	11.0	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.3	3,780	5.4	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.0	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	180.6	7,477	24.2	6.2	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.5	1,688	12.1	1.5	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	96.1	5,478	17.5	6.1	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	2,690	4.6	0.7	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.5	8,655	9.6	3.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	27.6	6,553	4.2	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	51.0	4,631	11.0	2.5	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.1	2,282	8.4	1.4	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	24.2	4,465	5.4	1.1	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	92.9	5,046	18.4	3.4	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.7	4,313	5.3	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.4	5,248	11.3	2.7	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.1	2,398	4.2	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	159.6	14,782	10.8	4.4	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.6	0	21.5	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	83.5	8,655	9.6	3.0	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.3	3,780	5.4	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	04/10/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài, ... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	04/01/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DTT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Dục). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn